

SỞ TƯ PHÁP SỐ: 44/2016/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 8 năm 2016

CÔNG VĂN BẢN
Số: 4584
Ngày 16/8/2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-BPC ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch thực hiện tổ chức thu lệ phí hộ tịch, bao gồm:

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) được thu lệ phí theo quy định tại mục A khoản 3 Điều này.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) được thu lệ phí theo quy định tại mục B khoản 3 Điều này.

b) Các cá nhân đăng ký các việc hộ tịch, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí, trừ các trường hợp được miễn theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch (Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước).

2. Thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch:

a) Lệ phí hộ tịch được thu bằng tiền đồng Việt Nam.

b) Cơ quan thu lệ phí phải nộp 100% số tiền lệ phí hộ tịch thu được vào ngân sách nhà nước.

c) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí hộ tịch do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Mức thu:

STT	Nội dung đăng ký hộ tịch	Đơn vị tính	Mức thu cho mỗi trường hợp
A	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
1	Đăng ký lại kết hôn	đồng	30.000
2	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đồng	15.000

3	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi	đồng	15.000
4	Bổ sung hộ tịch	đồng	15.000
5	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	15.000
6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đồng/1 bản sao	3.000
7	Xác nhận các việc hộ tịch	đồng	8.000
8	Khai sinh		
8.1	Đăng ký khai sinh quá hạn	đồng	8.000
8.2	Đăng ký lại khai sinh	đồng	8.000
9	Khai tử		
9.1	Đăng ký khai tử quá hạn	đồng	8.000
9.2	Đăng ký lại khai tử	đồng	8.000
10	Giám hộ		
10.1	Đăng ký chấm dứt việc giám hộ	đồng	8.000
10.2	Đăng ký thay đổi việc giám hộ	đồng	8.000
11	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	đồng	8.000
B	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện		
1	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	đồng	1.500.000
2	Xác nhận các việc hộ tịch	đồng	75.000
3	Đăng ký bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng	28.000
4	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		
4.1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	đồng/1 bản sao	8.000
4.2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng/1 bản sao	8.000
5	Đăng ký xác định lại dân tộc		
5.1	Đăng ký xác định lại dân tộc cho công	đồng	28.000

	dân Việt Nam cư trú ở trong nước		
5.2	Đăng ký xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	đồng	28.000
6	Khai sinh có yếu tố nước ngoài		
6.1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
6.2	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
7	Khai tử có yếu tố nước ngoài		
7.1	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
7.2	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
8	Kết hôn có yếu tố nước ngoài		
8.1	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	đồng	1.500.000
8.2	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	đồng	1.500.000
9	Giám hộ có yếu tố nước ngoài		
9.1	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
9.2	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
9.3	Đăng ký thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
10	Thay đổi, cải chính hộ tịch		
10.1	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	đồng	28.000
10.2	Thay đổi, cải chính hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng	75.000
11	Ghi vào sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
11.1	Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.2	Ghi vào sổ hộ tịch việc khai tử đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000

11.3	Ghi vào sổ hộ tịch việc giám hộ đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.4	Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.5	Ghi vào sổ hộ tịch việc xác định cha, mẹ, con đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.6	Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.7	Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.8	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.9	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
11.10	Ghi vào sổ hộ tịch việc hủy việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	75.000
12	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	đồng	75.000

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thu lệ phí thực hiện các nội dung theo Điều 1 của Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế những nội dung có liên quan đến việc thu và mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Kỳ họp thứ Bảy Khóa IV về các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 27/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Kỳ họp thứ Năm Khóa V phê chuẩn việc thu và mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khoá VI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND huyện, TP thuộc tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo BR-VT;
- Lưu VT, STP.PC2.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh